

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27/04/2018

V/v Tranh chấp HNGĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy, ông Hoàng Công Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 27/04/2018, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/03/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/04/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1982;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1978;

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình Đ năm 2002, có tình cảm tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận. Mẫu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, anh Nguyễn Đình Đ đã đánh chị nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 08/2012 cho đến nay không quan hệ, liên lạc gì. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể đoàn tụ xin được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 16/03/2003, hiện đang ở với anh Nguyễn Đình Đ và bà nội là bà Trịnh Thị C, sinh năm 1952 (là mẹ đẻ anh Đ) cháu đang học lớp 09 trường trung học cơ sở xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2. Nguyễn Đình N, sinh ngày 05/01/2008, hiện đang ở với chị tại số nhà 23, đường 17, khu phố 19, phường B, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh; hiện chị đang tạm trú ở địa chỉ trên; cháu Nguyễn Đình N đang học lớp 4 tại trường tiểu học B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Ngôi nhà trên do chị thuê và ở cùng bố mẹ. Hiện chị bán quần áo và làm may (làm tự do không cho công ty nào) thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh Nguyễn Đình Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

Anh công nhận một phần lời khai của chị Trần Thị Đ về thời gian kết hôn và ly thân. Từ khi ly thân anh và chị Trần Thị Đ thỉnh thoảng có nói chuyện, nhưng không chung sống cùng nhau; nguyên nhân mâu thuẫn do mâu thuẫn xã hội và gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh sẽ cố gắng động viên thuyết phục chị Trần Thị Đ để vợ chồng đoàn tụ; ngoài ra anh không có biện pháp nào khác. Tại phiên tòa chị Trần Thị Đ xin ly hôn anh đồng ý.

Vợ chồng có 02 con như chị Trần Thị Đ trình bày là đúng. Hiện anh bán xe máy tại Công ty xe máy Hà Thành, công ty của em anh nên không làm hợp đồng lao động chỉ thỏa thuận miệng với nhau; địa chỉ: Đường N, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, tổng thu nhập khoảng 11 triệu đồng/tháng. Nếu ly hôn anh xin nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được nuôi cả hai con thì anh xin nuôi con là Nguyễn Đình N. Tài sản và công nợ không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, khuyên vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các điều 51, 53, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Giao 02 con chung là Nguyễn Đình N và Nguyễn Thị L cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.

3. Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ hôn nhân

Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Anh, chị đều xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Chị Trần Thị Đ xác định vợ chồng không thể đoàn tụ xin được ly hôn. Anh Nguyễn Đình Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, tại biên bản hòa giải ngày 09/03/2018 và tại phiên tòa anh cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị Trần Thị Đ xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận, nên xử cho ly hôn là phù hợp thực tế và đúng pháp luật. Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị xử cho ly hôn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Con chung

Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị L, hiện đang ở với anh Nguyễn Đình Đ, cháu đang học lớp 09 trường trung học cơ sở xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Đình N, hiện đang ở với chị Trần Thị Đ, cháu Nguyễn Đình N đang học lớp 4 tại trường tiểu học B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy hai anh, chị đều có đủ điều kiện để nuôi con; ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, cả hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị Trần Thị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Để ổn định cuộc sống của hai cháu, tránh xáo trộn cuộc sống không cần thiết, ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của các cháu nên giữ nguyên như hiện tại là giao con chung là Nguyễn Thị L cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Đình N cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cả hai con chung cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Con chung: Giao con là Nguyễn Thị L cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao con là Nguyễn Đình N cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.

3. Án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001240 ngày 06/03/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- UBND xã B, huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phong

